

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 35



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Bản Pá Công, Xã Huổi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2403000107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Sơn La cấp lần đầu ngày 16/6/2006, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 22 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La ngày 31/7/2024 với mã số doanh nghiệp 5500271984 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NORTH-WEST ELECTRIC INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT-STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: NEDEN., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 31/7/2024 là: 405.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm lẻ năm tỷ đồng chẵn*).

Trụ sở chính của Công ty: Bản Pá Công, Xã Huổi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty tại: B44-TT ĐT Văn Quán - Yên Phúc, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên Sàn UpCOM với mã NED.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Ngu	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 31/7/2024)
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/7/2024)
Ông Trần Văn Huyền	Thành viên độc lập (Chủ tịch HĐQT đến ngày 31/7/2024)
Ông Trần Đức Hậu	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)
Ông Dương Văn Quyền	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)

Ban Kiểm soát

Ông Lưu Văn Hồ	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 26/7/2024)
Bà Trần Thị Trinh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/7/2024)
Ông Trần Văn Phúc	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/7/2024)
Bà Bùi Thị Vân	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)
Bà Vũ Thị Trà	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)
Bà Trần Thùy Linh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Minh Ngọc	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10/7/2024)
Ông Dương Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc (Tổng Giám đốc đến ngày 10/7/2024; bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc ngày 19/7/2024)
Ông Nguyễn Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/7/2024)

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Điều hành, ngoài sự kiện đã nêu tại mục 7.1 - Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Điều hành,



Trần Văn Ngự
Chủ tịch HĐQT

Sơn La, ngày 26 tháng 8 năm 2024

Số: 311/2024/BCSXHN-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc, được lập ngày 26 tháng 8 năm 2024, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

5500
CỘ
CỘ
ĐẦU
T TH
VÂY
M107
GT
HH
TOA
ETN
NỘ

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 5.14 Vốn chủ sở hữu trong Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2023 trong đó chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế số tiền 20.250.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 26/12/2023 của Hội đồng Quản trị về việc tạm hoãn thực hiện chia cổ tức 2022. Do vậy, cổ tức từ Lợi nhuận sau thuế của năm 2022 chưa được ghi nhận là Nợ phải trả số tiền 20.250.000.000 đồng.

Kết luận của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề trên.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN				
A - (100=110+130+140+150)	100		16.496.104.584	20.283.894.186
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.449.379.638	343.750.142
1. Tiền	111		1.449.379.638	343.750.142
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.735.039.965	17.952.046.487
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	11.177.455.965	7.972.961.820
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		336.249.500	74.250.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	1.221.334.500	9.904.834.667
IV. Hàng tồn kho	140		1.816.887.094	1.724.346.675
1. Hàng tồn kho	141	5.4	1.816.887.094	1.724.346.675
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		494.797.887	263.750.882
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	494.797.887	263.750.882
TÀI SẢN DÀI HẠN				
B - (200=220+250+260)	200		699.910.444.727	709.708.602.585
II. Tài sản cố định	220		557.783.960.004	566.467.322.652
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	557.783.960.004	566.467.322.652
- Nguyên giá	222		770.304.488.861	770.304.488.861
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(212.520.528.857)	(203.837.166.209)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	-
- Nguyên giá	228		360.000.000	360.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(360.000.000)	(360.000.000)
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	130.679.860.000	130.032.929.930
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		130.679.860.000	98.982.929.930
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	31.050.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.446.624.723	13.208.350.003
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	11.446.624.723	13.208.350.003
TỔNG CỘNG TÀI SẢN				
(270 = 100+200)	270		716.406.549.311	729.992.496.771

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		251.911.529.243	271.396.480.075
I. Nợ ngắn hạn	310		92.811.440.708	80.483.905.754
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	10.877.055.527	10.717.474.032
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	6.800.482.525	5.368.751.152
4. Phải trả người lao động	314		1.169.649.822	1.867.062.650
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	686.822.492	527.584.204
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	5.751.319.876	5.857.516.539
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	65.674.348.415	54.291.555.126
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.851.762.051	1.853.962.051
II. Nợ dài hạn	330		159.100.088.535	190.912.574.321
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	157.619.260.000	189.643.340.000
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.480.828.535	1.269.234.321
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		464.495.020.068	458.596.016.696
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	464.495.020.068	458.596.016.696
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		405.000.000.000	405.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		405.000.000.000	405.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.545.454.545	2.545.454.545
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		56.794.884.372	50.893.802.471
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		50.893.802.471	47.445.838.468
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.901.081.901	3.447.964.003
13 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		154.681.151	156.759.680
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		716.406.549.311	729.992.496.771

Người lập

Kế toán trưởng

Sơn La, ngày 26 tháng 8 năm 2024
Chủ tịch HĐQT

Phạm Văn Thoả

Phạm Văn Thoả



Trần Văn Ngự

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	32.920.197.497	36.093.897.629
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		32.920.197.497	36.093.897.629
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	15.109.844.847	18.300.806.089
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		17.810.352.650	17.793.091.540
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.781.118.882	1.513.391
7. Chi phí tài chính	22	6.4	10.322.012.045	14.870.398.469
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		10.322.012.045	14.870.398.469
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		17.070.070	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	2.308.543.382	2.527.968.273
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		7.977.986.175	396.238.189
11. Thu nhập khác	31	6.6	39.809.091	39.232.755
12. Chi phí khác	32	6.6	303.772.141	89.341.776
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(263.963.050)	(50.109.021)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		7.714.023.125	346.129.168
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	1.603.425.539	45.491.758
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		211.594.214	216.626.817
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.899.003.372	84.010.593
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		5.901.081.901	88.296.308
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(2.078.529)	(4.285.715)
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	146	2

Người lập

Kế toán trưởng

Sơn La, ngày 26 tháng 8 năm 2024

Chức vụ HĐQT

Phạm Văn Thoả

Phạm Văn Thoả

Trần Văn Ngu



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/6/2024 VND	kết thúc ngày 30/6/2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.714.023.125	346.129.168
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		8.683.362.648	8.693.022.318
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.781.118.882)	(1.513.391)
- Chi phí lãi vay	06		10.322.012.045	14.870.398.469
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23.938.278.936	23.908.036.564
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.217.006.522	(2.356.470.384)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(92.540.419)	493.472.577
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		338.994.857	968.123.820
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.530.678.275	1.993.366.264
- Tiền lãi vay đã trả	14		(10.047.773.757)	(14.969.322.476)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.168.992.019)	(351.588.588)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.200.000)	(59.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.713.452.395	9.626.517.777
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(134.746.930.070)	(18.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		136.880.415.000	24.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		703.882	1.513.391
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.134.188.812	5.501.513.391
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(20.641.286.711)	(14.315.080.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(100.725.000)	(87.150.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(20.742.011.711)	(14.402.230.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		1.105.629.496	725.801.168
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	343.750.142	222.066.251
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	1.449.379.638	947.867.419

Người lập

Kế toán trưởng

Sơn La, ngày 26 tháng 8 năm 2024

Chủ tịch HĐQT

Phạm Văn Thoả

Phạm Văn Thoả

Trần Văn Ngự



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2403000107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Sơn La cấp lần đầu ngày 16/6/2006, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 22 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La ngày 31/7/2024 với mã số doanh nghiệp 5500271984 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NORTH-WEST ELECTRIC INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT-STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: NEDEN., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 31/7/2024 là: 405.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm lẻ năm tỷ đồng chẵn*).

Trụ sở chính của Công ty: Bản Pá Công, Xã Huổi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty tại: B44-TT ĐT Văn Quán – Yên Phúc, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng lao động của Công ty mẹ và Công ty con tại ngày 30/6/2024 là 44 người (tại ngày 31/12/2023 là 50 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động chính

- Đầu tư xây lắp công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao Thông, thủy lợi, các công trình điện;
- Và một số ngành nghề kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2024, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con					
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La	Bản Pá Công, xã Huồi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	Kinh doanh điện năng	99,80%	99,80%	99,80%
Công ty liên kết					
Công ty TNHH Đầu tư Trường Đại Lộc	679 Quang Trung, Quảng Thịnh, Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình	Lô A2, Khu công nghiệp Khánh Phú, Xã Ninh Phúc, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Đúc sắt, thép	39,96%	39,96%	39,96%

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc, Công ty con là Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Hệ thống đập Nhà máy thủy điện	47 - 48
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Tô máy phát điện	47 - 48
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm quản lý giao dịch và phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 03 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời gian bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 60 tháng.

Các chi phí khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng thời gian không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: Trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí khác: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở hợp đồng, khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán điện.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán điện

Doanh thu cung cấp điện được ghi nhận dựa trên “Biên bản xác nhận chỉ số công tơ và sản lượng điện năng” hàng tháng với Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án Đầu tư các nhà máy thủy điện như sau:

- Công ty con: Áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm 2018 (từ năm 2018 đến hết năm 2032); Miễn thuế 4 năm kể từ năm 2018 (từ năm 2018 đến hết năm 2021); Giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2022 đến hết năm 2030).

Năm 2024 là năm thứ 7 Công ty con được ưu đãi áp dụng thuế suất 10% thuế thu nhập doanh nghiệp và giảm 50% số thuế phải nộp.

Việc xác định thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng khoản đầu tư không được hưởng ưu đãi trên.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng Công ty hoạt động chính là sản xuất kinh doanh điện trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.429.523.413	327.260.212
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.856.225	16.489.930
Tổng	1.449.379.638	343.750.142

5.2 Phải thu khách hàng

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	11.177.455.965	7.972.961.820
Tổng Công ty Điện lực miền Bắc - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	11.177.455.965	7.972.961.820
Tổng	11.177.455.965	7.972.961.820

5.3 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	1.221.334.500	-	9.904.834.667	-
Tạm ứng	-	-	9.179.180.002	-
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	138.874.500	-	138.874.500	-
Phải thu khác	1.082.460.000	-	586.780.165	-
Tổng	1.221.334.500	-	9.904.834.667	-

5.4 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	749.393.520	-	669.066.094	-
Công cụ, dụng cụ	1.067.493.574	-	1.055.280.581	-
Tổng	1.816.887.094	-	1.724.346.675	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.5 Chi phí trả trước

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	494.797.887	263.750.882
Công cụ, dụng cụ	2.340.000	34.119.998
Chi phí bảo hiểm nhà máy	492.457.887	229.630.884
Dài hạn	11.446.624.723	13.208.350.003
Phí tư vấn giá trị Rers (Dự án Nậm Công, Nậm Sọi, Nậm Chiến)	831.878.189	889.249.097
Chi phí trùng tu sửa chữa lớn các nhà máy	5.460.587.903	6.216.594.989
Chi phí gia công thiết bị cơ khí phục vụ NMTĐ Nậm Công, Nậm Sọi	1.499.363.492	1.775.825.996
Chi phí nạo vét lòng hồ NMTĐ Nậm Sọi	681.684.592	920.017.924
Chi phí cấp Giấy phép sử dụng nước mặt	232.091.344	269.874.274
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	2.741.019.203	3.136.787.723
Tổng	11.941.422.610	13.472.100.885

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Bản Pá Công, xã Huổi Mốt, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	526.796.385.608	236.039.449.968	6.079.866.330	1.388.786.955	770.304.488.861
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2024	526.796.385.608	236.039.449.968	6.079.866.330	1.388.786.955	770.304.488.861
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2024	135.469.153.198	65.257.064.474	1.722.161.582	1.388.786.955	203.837.166.209
Tăng trong kỳ	5.757.603.390	2.667.129.480	258.629.778	-	8.683.362.648
Khấu hao trong kỳ	5.757.603.390	2.667.129.480	258.629.778	-	8.683.362.648
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2024	141.226.756.588	67.924.193.954	1.980.791.360	1.388.786.955	212.520.528.857
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2024	391.327.232.410	170.782.385.494	4.357.704.748	-	566.467.322.652
Tại 30/6/2024	385.569.629.020	168.115.256.014	4.099.074.970	-	557.783.960.004

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2024 là 557.615.328.142 đồng (tại thời điểm ngày 01/01/2024 là 566.285.719.108 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 30/6/2024 là 9.400.274.191 đồng (tại thời điểm ngày 01/01/2024 là 9.400.274.191 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	<u>Phần mềm tin học</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2024	360.000.000	360.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2024	<u>360.000.000</u>	<u>360.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2024	360.000.000	360.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2024	<u>360.000.000</u>	<u>360.000.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2024	-	-
Tại 30/6/2024	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 30/6/2024 là 360.000.000 đồng (tại thời điểm ngày 01/01/2024 là 360.000.000 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**
Bản Pá Công, xã Huối Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		30/6/2024		01/01/2024	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ
Đầu tư vào Công ty liên kết			130.679.860.000	130.679.860.000	99.000.000.000	98.982.929.930
Công ty TNHH Đầu tư Trường Đại Lộc (1)	30,00%	30,00%	76.729.860.000	76.729.860.000	99.000.000.000	98.982.929.930
Công ty cổ phần SHP Ninh Bình (2)	39,96%	39,96%	53.950.000.000	53.950.000.000	-	-
Tổng			130.679.860.000	130.679.860.000	99.000.000.000	98.982.929.930

	Tỷ lệ		30/6/2024		01/01/2024	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác			-	-	31.050.000.000	-
Công ty Cổ phần Hoàng Long Mộc Châu (3)			-	-	31.050.000.000	-
Tổng			-	(*)	31.050.000.000	(*)

(1): Bao gồm các giao dịch:

- Thực hiện theo Quyết định số 01/QĐ-ĐHĐCĐBT ngày 01/3/2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc về việc thay đổi vốn điều lệ và sửa đổi điều lệ Công ty. Theo đó giảm vốn điều lệ từ 219 tỷ đồng xuống còn 123 tỷ đồng; hoàn trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc 4.339.170 cổ phần tương đương 43.391.700.000 đồng.
- Thực hiện theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 18/3/2024 của Hội đồng Quản trị về việc thoái vốn đầu tư tại Công ty TNHH Đầu tư Trường Đại Lộc. Hợp đồng chuyển nhượng số 001/2024/HĐCN/NED-VTT ngày 18/3/2024 về việc chuyển nhượng 5.560.830 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) tại Công ty TNHH Đầu tư Trường Đại Lộc tương đương 45,21% vốn điều lệ cho Ông Vương Thanh Tùng. Theo biên bản thanh lý hợp đồng ngày 18/3/2024, các bên đã hoàn thành việc chuyển nhượng với giá trị chuyển nhượng là 58.388.715.000 đồng (Tương ứng 10.500 đồng/cổ phần). Lợi nhuận từ chuyển nhượng cổ phần ghi nhận trong kỳ là 2.780.415.000 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

- Thực hiện theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT ngày 18/6/2024 của Hội đồng Quản trị về việc thông qua phương án đầu tư mua cổ phần Công ty TNHH Đầu tư Trường Đại Lộc. Hợp đồng chuyển nhượng số 07/2024/HĐCN ngày 17/6/2024 về việc nhận chuyển nhượng 3.690.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) tại Công ty TNHH Đầu tư Trường Đại Lộc tương đương 30% vốn điều lệ từ Ông Vương Thanh Tùng. Theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 17/6/2024, các bên đã hoàn thành việc chuyển nhượng với giá trị chuyển nhượng là 76.792.860.000 đồng (Tương ứng 20.794 đồng/cổ phần).
- Thực hiện theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 05/7/2024 của Hội đồng quản trị về việc thoái vốn đầu tư tại Công ty TNHH Đầu tư Trường Đại Lộc. Hợp đồng chuyển nhượng số 006/2024/HĐCN ngày 05/7/2024 về việc chuyển nhượng 3.690.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) tại Công ty TNHH Đầu tư Trường Đại Lộc tương đương 30,00% vốn điều lệ cho ông Trần Văn Huyền. Giá trị chuyển nhượng là 76.729.860.000 đồng (Tương ứng 20.794 đồng/cổ phần). Lợi nhuận từ chuyển nhượng cổ phần ghi nhận trong kỳ là 0 đồng.

(2): Bao gồm các giao dịch:

- Thực hiện theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 18/3/2024 của Hội đồng Quản trị về việc đầu tư mua cổ phần Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình. Hợp đồng chuyển nhượng số 002/2024/HĐCN/TVH-NED ngày 18/3/2024 về việc nhận chuyển nhượng 5.800.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) tại Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình tương đương 12,6% vốn điều lệ từ Ông Trần Văn Huyền. Theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 18/3/2024, các bên đã hoàn thành việc chuyển nhượng với giá trị chuyển nhượng là 58.000.000.000 đồng.
- Thực hiện theo Nghị quyết số 06-2/NQ-HĐQT ngày 17/6/2024 của Hội đồng quản trị về việc thoái một phần vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình. Hợp đồng chuyển nhượng số 004/2024/HĐCN/NED-TVH ngày 17/6/2024 về việc chuyển nhượng 405.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) tại Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình tương đương 3% vốn điều lệ cho Ông Trần Văn Hùng. Theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 17/6/2024, các bên đã hoàn thành việc chuyển nhượng với giá trị chuyển nhượng là 4.050.000.000 đồng (Tương ứng 10.000 đồng/cổ phần). Lợi nhuận từ chuyển nhượng cổ phần ghi nhận trong kỳ là 0 đồng.
- Thực hiện theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 05/7/2024 của Hội đồng Quản trị về việc thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình. Hợp đồng chuyển nhượng số 005/2024/HĐCN ngày 05/7/2024 về việc chuyển nhượng 5.395.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) tại Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình tương đương 39,963% vốn điều lệ cho ông Trần Văn Huyền. Giá trị chuyển nhượng là 53.950.000.000 đồng (Tương ứng 10.000 đồng/cổ phần). Lợi nhuận từ chuyển nhượng cổ phần ghi nhận trong kỳ là 0 đồng.

(3): Thực hiện theo Nghị quyết số 06-1/NQ-HĐQT ngày 17/6/2024 của Hội đồng Quản trị về việc thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Hoàng Long Mộc Châu. Hợp đồng chuyển nhượng số 003/2024/HĐCN/NED-TVH ngày 17/6/2024 về việc chuyển nhượng 3.105.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) tại Công ty Cổ phần Hoàng Long Mộc Châu tương đương 15% vốn điều lệ cho Ông Trần Văn Hùng. Theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 17/6/2024, các bên đã hoàn thành việc chuyển nhượng với giá trị chuyển nhượng là 31.050.000.000 đồng (Tương ứng 10.000 đồng/cổ phần). Lợi nhuận từ chuyển nhượng cổ phần ghi nhận trong kỳ là 0 đồng.

(*) Tại ngày lập báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.9 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	10.877.055.527	10.877.055.527	10.717.474.032	10.717.474.032
Công ty TNHH CN nặng quảng phát Nam Ninh	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930
Swiss Carbon Assets Ltd	1.606.221.336	1.606.221.336	1.642.879.235	1.642.879.235
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	6.000.000.000	6.000.000.000	6.300.000.000	6.300.000.000
Phải trả người bán khác	899.260.261	899.260.261	403.020.867	403.020.867
Tổng	10.877.055.527	10.877.055.527	10.717.474.032	10.717.474.032

Trong đó:

Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH CN nặng quảng phát Nam Ninh	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930
Tổng	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2024
	Phải nộp	5.368.751.152	7.545.158.884	6.113.427.511
Thuế giá trị gia tăng	2.210.276.845	2.656.631.985	2.630.078.819	2.236.830.011
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.461.240.024	1.603.425.539	1.168.992.019	1.895.673.544
Thuế thu nhập cá nhân	313.665.856	46.100.482	54.064.919	305.701.419
Thuế tài nguyên	336.561.503	1.582.697.578	1.009.011.446	910.247.635
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	1.047.006.924	1.650.303.300	1.245.280.308	1.452.029.916
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.000.000	6.000.000	-

5.11 Chi phí phải trả

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuê kênh trắng Viettel	13.636.364	13.636.364
Lãi vay phải trả	673.186.128	398.947.840
Chi phí khác	-	115.000.000
Tổng	686.822.492	527.584.204

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.12 Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	5.751.319.876	5.857.516.539
Kinh phí công đoàn	384.198.300	399.170.706
Phải trả công tác Đảng	77.004.904	77.004.904
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	950.363.637	950.363.637
Phải trả tiền cổ tức (*)	3.105.564.000	3.206.289.000
Khoản chi khen thưởng về việc hoàn thành dự án	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	234.189.035	224.688.292
Tổng	5.751.319.876	5.857.516.539

(*) Cổ tức phải trả là một phần cổ tức của các năm 2020, 2021 chưa được trả của các cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và chưa đến trực tiếp Công ty làm thủ tục nhận cho đến hiện tại.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Bán Pá Công, xã Huồi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.13 Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2024		Phát sinh trong kỳ		01/01/2024		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	65.674.348.415	65.674.348.415	32.024.080.000	20.641.286.711	54.291.555.126	47.571.715.126	
a. Vay dài hạn đến hạn trả	65.674.348.415	65.674.348.415	32.024.080.000	20.641.286.711	54.291.555.126	47.571.715.126	
(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công	49.404.000.000	49.404.000.000	23.074.000.000	15.361.395.126	41.691.395.126	41.691.395.126	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	28.250.000.000	28.250.000.000	12.954.000.000	5.065.395.126	20.361.395.126	20.361.395.126	
Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTD (1.1)	28.250.000.000	28.250.000.000	12.954.000.000	5.065.395.126	20.361.395.126	20.361.395.126	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình	21.154.000.000	21.154.000.000	10.120.000.000	10.296.000.000	21.330.000.000	21.330.000.000	
Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTD (1.1)	20.850.000.000	20.850.000.000	9.946.000.000	10.099.000.000	21.003.000.000	21.003.000.000	
Hợp đồng số 02/2012/HĐTĐNC (1.2)	304.000.000	304.000.000	174.000.000	197.000.000	327.000.000	327.000.000	
(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sọi	8.090.000.000	8.090.000.000	5.060.000.000	2.090.000.000	5.120.000.000	5.120.000.000	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	3.760.000.000	3.760.000.000	2.350.000.000	940.000.000	2.350.000.000	2.350.000.000	
Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD (2.1)	3.760.000.000	3.760.000.000	2.350.000.000	940.000.000	2.350.000.000	2.350.000.000	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	4.330.000.000	4.330.000.000	2.710.000.000	1.150.000.000	2.770.000.000	2.770.000.000	
Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD (2.1)	4.240.000.000	4.240.000.000	2.650.000.000	1.060.000.000	2.650.000.000	2.650.000.000	
Hợp đồng số 02/2012/HĐTĐNS (2.2)	90.000.000	90.000.000	60.000.000	90.000.000	120.000.000	120.000.000	
(3) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đông Đô	380.160.000	380.160.000	190.080.000	190.080.000	380.160.000	380.160.000	
Hợp đồng số 220321-6366794-01-SME	380.160.000	380.160.000	190.080.000	190.080.000	380.160.000	380.160.000	
(4) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Công 5	7.800.188.415	7.800.188.415	3.700.000.000	2.999.811.585	7.100.000.000	380.160.000	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Nhuệ (5)	7.800.188.415	7.800.188.415	3.700.000.000	2.999.811.585	7.100.000.000	380.160.000	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Bản Pá Công, xã Huồi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	30/6/2024		Phát sinh trong kỳ		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	01/01/2024	
					Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn						
(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công	157.619.260.000	158.379.580.000	-	32.024.080.000	189.643.340.000	189.643.340.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	9.727.540.000	9.727.540.000	-	23.074.000.000	32.801.540.000	32.801.540.000
Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTĐ (1.1)	7.517.515.000	7.517.515.000	-	12.954.000.000	20.471.515.000	20.471.515.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình	2.210.025.000	2.210.025.000	-	12.954.000.000	20.471.515.000	20.471.515.000
Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTĐ (1.1)	2.199.485.000	2.199.485.000	-	9.946.000.000	12.145.485.000	12.145.485.000
Hợp đồng số 02/2012/HĐTĐNC (1.2)	10.540.000	10.540.000	-	174.000.000	184.540.000	184.540.000
(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi	98.057.400.000	98.057.400.000	-	5.060.000.000	103.117.400.000	103.117.400.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	50.216.000.000	50.216.000.000	-	2.350.000.000	52.566.000.000	52.566.000.000
Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTĐ (2.1)	50.216.000.000	50.216.000.000	-	2.350.000.000	52.566.000.000	52.566.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	47.841.400.000	47.841.400.000	-	2.710.000.000	50.551.400.000	50.551.400.000
Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTĐ (2.1)	44.443.400.000	44.443.400.000	-	2.650.000.000	47.093.400.000	47.093.400.000
Hợp đồng số 02/2012/HĐTĐNS (2.2)	3.398.000.000	3.398.000.000	-	60.000.000	3.458.000.000	3.458.000.000
(3) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đồng Đé	284.320.000	1.044.640.000	-	190.080.000	474.400.000	474.400.000
Hợp đồng số 220321-6366794-01-SME	284.320.000	1.044.640.000	-	190.080.000	474.400.000	474.400.000
(4) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Công 5	49.550.000.000	49.550.000.000	-	3.700.000.000	53.250.000.000	53.250.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Nhuệ (5)	49.550.000.000	63.650.000.000	-	3.700.000.000	53.250.000.000	53.250.000.000
Tổng	223.293.608.415	224.053.928.415	32.024.080.000	52.665.366.711	243.934.895.126	237.215.055.126

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Bản Pá Công, xã Huồi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công

(1.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NC-HHTD ngày 08/9/2009 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, Chi nhánh Ba Đình do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối, bao gồm các điều khoản chính sau:

- Hạn mức vay tối đa: 183.000.000.000 VND;

- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Công;

- Thời hạn vay: 192 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;

- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần.

(1.2) Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HHTDNC ngày 29/6/2012 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, Chi nhánh Ba Đình do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối, bao gồm các điều khoản sau:

- Hạn mức vay tối đa: 15.000.000.000 VND;

- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Công.

- Thời hạn vay: kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết thời hạn vay theo Hợp đồng số 01/2009/NC-HHTD (16/9/2025).

- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Công là toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của nhà máy thủy điện Nậm Công và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/7/2015 là 275.000.000.000 VND. Trong đó phân bổ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn như sau:

<u>Ngân hàng</u>	<u>Động sản</u>	<u>Bất động sản</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La (56%)	36.400.000.000	117.600.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình (44%)	28.600.000.000	92.400.000.000
Tổng	65.000.000.000	210.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Bản Pá Công, xã Huồi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.13 Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)

(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi

(2.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NS-HĐTD ngày 08/9/2009 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, Chi nhánh Thanh Xuân do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối và Hợp đồng số 01/2013/NS-HĐTD ngày 29/3/2013 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bao gồm các điều khoản chính sau:

- Hạn mức vay tối đa của hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD là 167.000.000.000 VND; Hạn mức vay tối đa của hợp đồng số 01/2013/NS-HĐTD là 10.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Sỏi;
- Thời hạn vay: kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết thời hạn vay các hợp đồng 01/2009/NS-HĐTD và 01/2013/NS-HĐTD (15/03/2026);
- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần.

(2.2) Hợp đồng tín dụng số 02/2012/NS-HĐTD ngày 29/6/2012 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La bao gồm các điều khoản chính sau:

- Hạn mức vay tối đa: 6.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Dùng để cơ cấu lại tài chính (vay lãi nhập gốc)
- Thời hạn vay: kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày 15/3/2026;
- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Sỏi là toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của nhà máy thủy điện Nậm Sỏi và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/7/2015 là 225.000.000.000 VND. Trong đó phân bổ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn như sau:

<u>Ngân hàng</u>	<u>Động sản</u>	<u>Bất động sản</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La (52%)	23.400.000.000	93.600.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình (48%)	21.600.000.000	86.400.000.000
Tổng	45.000.000.000	180.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Bản Pá Công, xã Huồi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(3) Hợp đồng cho vay số 220321-6366794-01-SME ngày 23/3/2021 tại Hà Nội giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đông Đô với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc số tiền cho vay là 1.900.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 60 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Mục đích sử dụng: Thanh toán một phần tiền mua ô tô theo Hợp đồng mua bán số 0103-05/2021/HĐMB-TG ngày 01/3/2021. Lãi suất cho vay và cơ chế điều chỉnh lãi suất được thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của Khách hàng theo từng Kỳ ước nhận nợ. Biện pháp bảo đảm: Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 220321-6366794-01-SME/TC ngày 23/3/2021 là 2 xe ô tô nhãn hiệu Ford.

(4) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Công 5

(5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành theo Hợp đồng cho vay Dự án đầu tư số 01/2017-HDCVDADT/NHCT322-NCSSL ngày 12 tháng 09 năm 2017 với số tiền tối đa là 90.000.000.000 đồng và không vượt quá 69,8% tổng chi phí đầu tư thực tế (không gồm VAT). Thời hạn vay tối đa 156 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên không vượt quá 31/08/2030. Hình thức cho vay: Cho vay theo từng lần theo dự án đầu tư. Lãi suất của hợp đồng là lãi suất điều chỉnh, được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng là tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuê theo hợp đồng thế chấp số 01/2017/HDTCDANHCT322-NCSSL-NAMCONG5 ngày 08 tháng 9 năm 2017 và động sản theo hợp đồng thế chấp số 02/2017/HDTCDANHCT322-NCSSL-NAMCONG5 ngày 08 tháng 9 năm 2017.

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2023	405.000.000.000	2.545.454.545	47.445.838.468	163.391.043	455.154.684.056
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	3.447.964.003	(6.631.363)	3.441.332.640
Số dư tại 31/12/2023	405.000.000.000	2.545.454.545	50.893.802.471	156.759.680	458.596.016.696
Số dư tại 01/01/2024	405.000.000.000	2.545.454.545	50.893.802.471	156.759.680	458.596.016.696
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	5.901.081.901	(2.078.529)	5.899.003.372
Số dư tại 30/6/2024	405.000.000.000	2.545.454.545	56.794.884.372	154.681.151	464.495.020.068

Đơn vị tính: VND

(*) Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 26/12/2023 của Hội đồng Quản trị về việc tạm hoãn thực hiện chia cổ tức 2022 do đó tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Cổ tức từ Lợi nhuận sau thuế của năm 2022 chưa được ghi nhận là Nợ phải trả số tiền 20.250.000.000 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ông Trần Văn Huyền	82.731.500.000	22.551.500.000
Các cổ đông khác	322.268.500.000	382.448.500.000
Tổng	405.000.000.000	405.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	405.000.000.000	405.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	405.000.000.000	405.000.000.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.500.000	40.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.500.000	40.500.000
Cổ phiếu phổ thông	40.500.000	40.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.500.000	40.500.000
Cổ phiếu phổ thông	40.500.000	40.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	32.920.197.497	29.132.977.197
Doanh thu chứng chỉ CERs	-	6.960.920.432
Tổng	32.920.197.497	36.093.897.629

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Giá vốn điện thương phẩm	15.109.844.847	16.938.363.760
Giá vốn chứng chỉ CERs	-	1.362.442.329
Tổng	15.109.844.847	18.300.806.089

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	703.882	1.513.391
Lãi bán các khoản đầu tư	2.780.415.000	
Tổng	2.781.118.882	1.513.391

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền vay	10.322.012.045	14.870.398.469
Tổng	10.322.012.045	14.870.398.469

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.308.543.382	2.527.968.273
Chi phí nhân viên quản lý	1.552.207.593	1.346.232.250
Chi phí vật liệu quản lý	-	6.358.432
Chi phí đồ dùng văn phòng	10.943.940	47.341.516
Chi phí khấu hao TSCĐ	196.623.336	206.283.006
Thuế phí và lệ phí	37.888.160	32.656.442
Chi phí dịch vụ mua ngoài	389.532.381	605.794.881
Chi phí bằng tiền khác	121.347.972	283.301.746
Tổng	2.308.543.382	2.527.968.273

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.6 Thu nhập khác/chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý vật tư thiết bị cũ hỏng	39.809.091	-
Thu nhập từ bán chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến	-	39.232.755
Tổng	39.809.091	39.232.755
Chi phí khác		
Lệ phí nộp cho Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam	-	89.341.776
Ứng hộ xây dựng khu tâm linh đền thờ Liệt sỹ	300.000.000	-
Chi phí khác	3.772.141	-
Tổng	303.772.141	89.341.776
Lợi nhuận khác	(263.963.050)	(50.109.021)

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.603.425.539	45.491.758
Tổng	1.603.425.539	45.491.758

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.899.003.372	84.010.593
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(2.078.529)	(4.285.715)
<i>Các khoản điều chỉnh</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.901.081.901	88.296.308
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	40.500.000	40.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (i)	146	2

(*) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.796.633.559	4.376.521.858
Chi phí nhân công	4.749.469.695	3.626.617.224
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.683.362.648	8.693.022.318
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.852.506.165	3.562.017.590
Chi phí khác bằng tiền	336.416.162	570.595.372
Tổng	17.418.388.229	20.828.774.362

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

a. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và Công ty liên quan

- Theo Báo cáo số 02/2024/BC-DVQ ngày 15/07/2024 của ông Dương Văn Quyền- Tổng Giám đốc đã bán 120.000 cổ phiếu của Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, ông Dương Văn Quyền sở hữu 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ của Công ty.
- Theo Báo cáo số 15/2024/BC-TĐH ngày 15/07/2024 của ông Trần Đức Hậu - Thành viên HĐQT đã bán 100.000 cổ phiếu của Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, ông Trần Đức Hậu sở hữu 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ của Công ty.
- Theo Báo cáo số 02/2024/BC-BTV ngày 15/07/2024 của Bà Bùi Thị Vân - Trưởng Ban Kiểm soát đã bán 10.600 cổ phiếu của Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, bà Bùi Thị Vân sở hữu 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ của Công ty.
- Theo Báo cáo ngày 16/07/2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển An Khánh Hưng đã mua 2.250.000 cổ phiếu của Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển An Khánh Hưng sở hữu 3.917.000 cổ phiếu, chiếm 9,67% vốn điều lệ của Công ty.
- Theo Báo cáo số 07/2024/BC-TVH ngày 18/07/2024 của ông Trần Văn Huyền- Chủ tịch HĐQT đã bán 8.273.150 cổ phiếu của Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, ông Trần Văn Huyền sở hữu 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ của Công ty.
- Theo Báo cáo ngày 18/07/2024 của Ông Trần Văn Ngu đã mua 4.445.050 cổ phiếu của Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Ông Trần Văn Ngu sở hữu 4.673.950 cổ phiếu, chiếm 11,54% vốn điều lệ của Công ty.

b. Sự kiện khác

- Kể từ ngày 31/7/2024 Ông Trần Văn Ngu giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay ông Trần Văn Huyền theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐQT ngày 26/7/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc.
- Kể từ ngày 10/7/2024 Ông Phạm Minh Ngọc giữ chức Tổng Giám đốc thay ông Dương Văn Quyền theo Nghị quyết số 12-1/NQ-HĐQT ngày 10/7/2024 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc.
- Kể từ ngày 10/7/2024 Ông Phạm Văn Thoả giữ chức Kế toán trưởng thay bà Nguyễn Thị Thu Hằng theo Nghị quyết số 12-2/NQ-HĐQT ngày 10/7/2024 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc.
- Đến thời điểm ngày 26/8/2024, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư tại Công ty TNHH Đầu tư Trường Đại Lộc theo Hợp đồng chuyển nhượng số 006/2024/HDCN ngày 05/7/2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc và ông Trần Văn Huyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán (Tiếp theo)

b. Sự kiện khác (Tiếp theo)

- Đến thời điểm ngày 26/8/2024, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình theo Hợp đồng chuyển nhượng số 005/2024/HĐCN ngày 05/7/2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc và ông Trần Văn Huyền.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Đầu tư Trường Đại Lộc	Công ty liên kết
Công ty cổ phần SHP Ninh Bình	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Giao dịch với các thành viên chủ chốt

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND</u>	<u>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND</u>
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Thu nhập	879.957.837	561.247.724

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
		VND	VND
Hội đồng Quản trị			
Trần Văn Huyền	Thành viên HĐQT (Chủ tịch HĐQT đến ngày 31/7/2024)	177.844.286	72.530.036
Dương Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm thành viên HĐQT ngày 26/7/2024, Tổng Giám đốc đến ngày 10/7/2024 sau đó bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc từ ngày 19/7/2024)	160.463.381	71.983.494
Đặng Thị Kiều Trang	Thư ký HĐQT	135.295.000	69.987.592
Trần Đức Hậu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	27.000.000	-
Ban Tổng Giám đốc			
Đào Kim Cương	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/7/2023)	-	93.542.756
Nguyễn Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/7/2024)	121.855.571	68.525.817
Ban Kiểm soát			
Bùi Thị Vân	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	27.000.000	-
Vũ Thị Trà	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	84.941.599	54.493.085
Trần Thùy Linh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	58.340.000	-
Đặng Thị Huyền	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/6/2023)	-	59.788.787
Người quản lý khác			
Nguyễn Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 10/7/2024)	87.218.000	70.396.157
Tổng		879.957.837	561.247.724

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

Kế toán trưởng

Sơn La, ngày 26 tháng 8 năm 2024

Chủ tịch HĐQT

Phạm Văn Thoả

Phạm Văn Thoả

Trần Văn Ngự

